

**ĐỀ ÁN**  
**TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2023-2024**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT THIÊN TRƯỜNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định)*

**PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG**

**1. Đặc điểm, tình hình:**

a) Tên trường, địa chỉ, trụ sở, website

Tên đơn vị: Trường THPT Thiên Trường

Địa điểm trụ sở chính: Xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Số điện thoại: 02283895420

Trang web: <http://thpt-thientruong.namdinh.edu.vn/>

b) *Quá trình thành lập* và phát triển: Trường THPT Thiên Trường (dân lập Giao Thủy) là một trong những trường THPT tư thục đầu tiên của tỉnh Nam Định. Trường được thành lập từ tháng 07 năm 1997 theo Quyết định số 899/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 1997; đến tháng 02 năm 2012, trường được chủ tịch UBND tỉnh Nam Định cho đổi tên từ trường THPT dân lập Giao Thủy thành trường THPT Thiên Trường theo Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 24 tháng 2 năm 2012.

\* *Cơ sở vật chất*: Cơ sở vật chất của trường ngày càng tiện nghi, khang trang, xanh, sạch, đẹp (tổng diện tích 9033,6m<sup>2</sup>). Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cho hoạt động của 23 lớp học theo đúng quy định theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GDĐT Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Năm 2023 nhà trường đang xây thêm 04 phòng học; khu vệ sinh cho học sinh, đồng thời mua sắm và đóng mới các thiết bị theo quy định đảm bảo chất lượng của phòng học.

\* *Tình hình đội ngũ*: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 41; trong đó CBQL: 03 (01 Hiệu trưởng; 2 Phó hiệu trưởng), giáo viên 34 cơ hữu, nhân viên 04; 100% CB-GV có trình độ đạt chuẩn, trong đó trình độ trên chuẩn 07 đồng chí, tỷ lệ 18,91%.

\* *Thành tích nổi bật của nhà trường*:

Trường có đội ngũ lãnh đạo đoàn kết, nhiệt tình, đặc biệt là ban giám hiệu tâm huyết, trẻ và nhiệt tình trong quản lý giáo dục, năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm... Tập thể giáo viên, cán bộ nhân viên có chuyên môn nghiệp vụ tốt đáp ứng được chương trình giáo dục đổi mới, có tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết thường xuyên tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, hết lòng vì học sinh thân yêu.

Trường xây dựng được kỷ cương nề nếp tốt, học sinh chăm ngoan là niềm tin của chính quyền và nhân dân trong huyện. Trải qua 25 năm thành lập, nhưng với sự cố gắng, nỗ lực không ngừng, thầy và trò trường THPT Thiên Trường đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào:

+ Nhà trường luôn duy trì và ổn định chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 hàng năm, đặc biệt quy mô lớp học được mở rộng từ năm học 2015-2016 đến nay là 19 lớp, trong đó năm học 2021-2022 số hồ sơ có nguyện vọng vào trường là 593 và chỉ tiêu là 315 học sinh; 02 năm được chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; đội tuyển Học sinh giỏi đến nay đã có 03 giải ba và 06 giải khuyến khích được Sở GDĐT tặng cờ đạt giải khuyến khích toàn đoàn năm học 2015-2016 và giải ba toàn đoàn năm học 2018-2019 khối các trường ngoài công lập.

+ Về kết quả thi tốt nghiệp, đến nay nhà trường đã có 6.709 học sinh lớp 12 đỗ tốt nghiệp đạt tỉ lệ 98,5%. Trong đó nhiều năm liền tỉ lệ tốt nghiệp đạt 100%, đứng tốp đầu các trường ngoài công lập, vượt một số trường công lập trong tỉnh. Năm 2022 đỗ tốt nghiệp 100%, xếp thứ 42/57 trường THPT trong tỉnh toàn tỉnh, cao hơn 5 trường công lập và xếp thứ 2/12 trường ngoài công lập. Tỉ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học được tăng dần theo từng năm học từ 70% đến 85%.

+ Đặc biệt trong năm học 2008-2009, em Phạm Văn Trung - học sinh lớp 12A, đỗ thủ khoa Vật lý trường Đại học Sư phạm 2 Hà Nội; em Đỗ Văn Tài lớp 12D đạt học bổng “Hoa trạng nguyên” vinh dự được Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết trao tặng Giấy khen và biểu dương tại Phủ Chủ tịch.

\* Các Danh hiệu thi đua tiêu biểu:

<b>Năm</b>	<b>Danh hiệu thi đua</b>	<b>Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định</b>
2016	Tập thể lao động xuất sắc	Số 1622/QĐ-UBND ngày 05/8/2016
2017	Tập thể tiên tiến	Số 1366/QĐ-SGDĐT ngày 28/8/2017
2018	Tập thể tiên tiến	Số 1208/QĐ-SGDĐT ngày 13/7/2018
2019	Tập thể lao động xuất sắc	Số 1147/QĐ-UBND ngày 28/6/2019
2020	Tập thể lao động tiên tiến	Số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2020
2021	Tập thể lao động tiên tiến	Số 1204/QĐ-SGDĐT ngày 11/8/2021
2022	Tập thể lao động tiên tiến	Số 2161/QĐ-SGDĐT ngày 14/9/2022

\* Các Hình thức khen thưởng tiêu biểu:

<b>Năm</b>	<b>Hình thức khen thưởng</b>	<b>Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định</b>
2013	Giấy khen GD Sở GD&ĐT : “ <i>Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực</i> ” giai đoạn 2008-2013	Số 834/QĐ-SGDĐT ngày 16/8/2013

2014	Giấy khen của UBND huyện Giao Thủy “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa 2 năm	Số 6006/QĐ-UBND ngày 07/1/2014
2016	Bằng khen của BHXH Việt Nam “Đã thực hiện tốt chính sách BHYT học sinh, sinh viên	Số 1207/QĐ-BHXH ngày 19/8/2016
2017	Giấy khen của Công đoàn Giáo dục ngành “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn	Số 58/QĐKT-CĐN ngày 8/8/2017
2020	Cờ “Đạt giải khuyến khích Hội Thi Giáo viên dạy giỏi THPT cấp tỉnh “ của Sở GD&ĐT năm học 2021 -2022	Số 1402/QĐ-SGDĐT ngày 10/12/2020.
2021	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua”Đổi mới sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập năm học 2020-2021”	Số: 3322/QĐ-BGDĐT ngày 14/10/2021
2022	Giấy khen của Công đoàn GD tỉnh “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn năm học 2021-2022”	Số 581/QĐ-CĐGD ngày 15/7/2022

#### c) Điểm mạnh

- Công tác tổ chức quản lý của Ban giám hiệu đã đi vào nề nếp, lãnh đạo nhà trường nhiệt tình, tâm huyết, năng động, sáng tạo, đoàn kết cùng nhau xây dựng nhà trường;

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên phân công nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển; trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục;

- Đa số học sinh chăm ngoan, ý thức học tập tốt, chất lượng học sinh tương đối tốt;

- Cơ sở vật chất khang trang, môi trường Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn, đáp ứng được yêu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện tại;

- Một số phưng diện giáo dục của nhà trường đạt thành tích cao, như: thi Hội giảng, Hội thi GVĐG cấp tỉnh, điểm bình quân tốt nghiệp luôn nằm trong tốp đầu khối các trường ngoài công lập;

#### d) Điểm yếu

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ giữa các giáo viên chưa đồng đều ở các môn, lực lượng giáo viên cốt cán ở một số môn còn ít. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn chưa cao (hiện nay toàn trường có 7/37 cán bộ giáo viên có trình độ Thạc sĩ, đạt 18,91%). Việc sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị thí nghiệm, đồ dùng dạy học chưa thường xuyên và ít nhiều còn mang tính chất chiếu lệ, chưa sáng tạo. Năng lực hoạt động thực tiễn của nhiều giáo viên còn yếu; kinh nghiệm, vốn sống, các kỹ năng mềm còn hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả giáo dục học sinh;

- Việc giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ý thức chấp hành nội quy nhà trường đối với học sinh thực hiện chưa đều tay. Việc đổi mới phương pháp dạy học còn chậm, chưa chú ý phát triển năng lực, phẩm chất người học. Nghiệp vụ giáo viên chủ nhiệm của một số giáo viên còn hạn chế, chưa chú ý giáo dục thái độ, động cơ học tập cho học sinh;

- Chất lượng học sinh giỏi còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh;

- Một số thiết bị dạy học đã lỗi thời, hư hỏng, chưa được bổ sung kịp thời.

e) Cơ hội và thách thức

\* Thời cơ

- Đảng và Nhà nước nhận thức rõ sự tất yếu, cần thiết và quyết tâm cao trong việc đổi mới giáo dục, không những thể hiện trên quan điểm mà còn đề ra mục tiêu và một số giải pháp phát triển giáo dục;

- Chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo về giáo dục: Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2020; Chương trình số 02/CTr/TU ngày 15/10/2020 của Tỉnh ủy Nam Định về Chương trình công tác toàn khóa của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025.

- Phương thức quản lý giáo dục lấy cơ sở làm trung tâm, cùng với cơ chế tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự và tài chính mở ra cho nhà trường hướng đi thông thoáng, năng động, có trách nhiệm trong việc xây dựng hướng phát triển nhà trường;

- Tận dụng tính đổi mới và sáng tạo của cơ sở giáo dục cộng với thực hiện quyền tập trung dân chủ cao độ là động lực quan trọng giúp cho cơ sở giáo dục có một sức mạnh vượt trội để phát triển nhà trường;

- Nhà trường có được sự tin nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh trong khu vực; được sự ủng hộ ngày càng cao của các cấp lãnh đạo, các tổ chức xã hội, các bậc phụ huynh học sinh, các thế hệ thầy cô giáo và các em học sinh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sự phạm khá, tốt;

\* Thách thức

- Do các trường THPT trong toàn tỉnh đều rất quyết tâm để nâng cao chất lượng dẫn đến sự cạnh tranh cao về mặt chất lượng giữa các trường.

- Yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá đối với giáo viên đáp ứng chương trình GDPT 2018 đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu cao của mỗi cá nhân.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học để đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu và lộ trình chuyển đổi giáo dục số, đòi hỏi cán bộ, giáo viên không ngừng nâng cao năng lực ứng dụng CNTT của bản thân.

- Trong điều kiện nước ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, còn nhiều sự đan xen giữa cái cũ và cái mới, giữa các yếu tố tích cực và tiêu cực, phần nào ảnh hưởng tới tâm lý của đội ngũ giáo viên. Kinh tế thị trường đem lại sự năng động sáng tạo cho các cá nhân nhưng mặt trái của nó là lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích cá nhân, sự ích kỉ đang có xu hướng gia tăng.

f) Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị

- Tầm nhìn: Xây dựng trường THPT Thiên Trường nằm trong tập đầu khối các trường ngoài công lập, có khát vọng không ngừng tu dưỡng, tự học và sáng tạo, thân thiện về nề nếp kỷ cương

- Sứ mệnh: Lấy kỷ cương, nề nếp và giáo dục lý tưởng, đạo đức là nền tảng bền vững từ đó xây dựng và tạo lập môi trường học tập, rèn luyện an toàn, lành mạnh để học sinh phát triển phẩm chất, năng lực cá nhân đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Giá trị: *“Đoàn kết; Đổi mới; Siêng năng; sáng tạo; nhân ái và năng động”*.

g) Mục tiêu của chiến lược

*“Nâng cao vị thế nhà trường thông qua chất lượng giáo dục toàn diện, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại ”*

## 2. Quy mô trường, lớp

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Khối 10		Khối 11		Khối 12	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2018-2019	19	875	7	324	6	275	6	276
2019-2020	19	842	6	274	7	303	6	265
2020-2021	19	865	7	313	6	258	6	294
2021-2022	19	860	7	309	6	299	6	252
2022-2023	19	910	7	319	6	296	6	295

## 3. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

Nội dung báo cáo được trình bày theo các Phụ lục 9,10,11,12 của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào.

\* Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm:

Năm học	Tổng số học sinh	Học lực (tỉ lệ %)				Học kiểm (tỉ lệ %)			
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB	Yếu
2020-2021	865	14.22	60.58	21.39	3.58	72.49	22.66	3,93	0,92
2021-2022	860	14.42	65.58	18.26	1.63	76.16	19.77	3,6	0,47
2022-2023 (Kỳ I)	910	19.45	55.82	22.75	1.98	69.45	23.85	5.49	1.21

\* Kết quả thi tốt nghiệp THPT các cuộc thi, hội thi:

Năm học	Thi tốt nghiệp THPT		Các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh			
	Điểm trung bình	Xếp thứ trong tỉnh	Thi HSG văn hóa	Hùng biện tiếng Anh	Sáng tạo KHKT	Các cuộc thi khác
2020-2021	6.313	48	Không có giải	Không	Không	02 GV dạy giỏi cấp tỉnh (Ngữ Văn; Hóa học)
2021-2022	6.464	42	01 giải ba Địa lí	Không	Không	01 GV đạt giải KK Thiết kế BG điện tử
2022-2023			+ ) 02 giải ba: (Toán 11; Địa 12) + ) 03 giải KK: (Sinh 12; Địa 12; Văn 12)			

## PHẦN 2. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH

### I. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 của 03 năm gần nhất

Năm học	Phương thức tuyển sinh	Số lượng hồ sơ đăng ký dự thi/xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Điểm xét tuyển	Số lượng thí sinh trúng tuyển
2020-2021	Xét tuyển	522	315	Đ1: 12,5 (275 hs) Đ2: 7,25 (45 hs)	320
2021-2022	Xét tuyển	593	315	Đ1: 26,8 (317hs) Đ2: 18,6 (10 hs)	327
2022-2023	Xét tuyển	364	315	Đ1: 17,20 (315hs) Đ2: 11,20 (10 hs)	325

## II. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024

### 1. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình GDTX, trong độ tuổi theo quy định hiện hành của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**2. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 8 lớp 10 (360 học sinh).

### 3. Phương thức tuyển sinh:

**a) Phương thức 1:** Thi tuyển (*Thực hiện kỳ thi chung với tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên năm học 2023-2024 của tỉnh*).

- Chỉ tiêu: 70% (252 học sinh)

- Điểm xét tuyển: Là tổng điểm của 03 bài thi (đã tính hệ số) và điểm ưu tiên (nếu có).

- Điều kiện xét trúng tuyển: Chỉ xét trúng tuyển đối với thí sinh có đủ các điều kiện sau:

+ Có đủ 03 bài thi theo quy định.

+ Điểm mỗi bài thi phải lớn hơn 0,00 (quy định điểm 0 là điểm liệt).

+ Có điểm sàn xét tuyển đạt từ 15 điểm trở lên (có điểm bình quân các môn thi phải  $\geq 3$ ).

- Nguyên tắc xét trúng tuyển:

+ Căn cứ danh sách thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển, trường lấy trúng tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu đợt 1 hoặc hết nguồn thí sinh có đủ điều kiện.

+ Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét trúng tuyển như sau:

Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà không vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì đề nghị với Sở GDĐT được lấy trúng tuyển hết số thí sinh này;

Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì xét những thí sinh này theo thứ tự ưu tiên đảm bảo đúng chỉ tiêu được giao: Đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa lớp 9 THCS cấp tỉnh (theo thứ tự ưu tiên Giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích); có điểm trung bình các môn cả năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình cả năm môn Toán và Ngữ văn ở lớp 9 cao hơn. Sau khi xét hết các tiêu chí mà vẫn còn các thí sinh có tiêu chí cuối bằng nhau thì đề nghị với Sở GDĐT được lấy trúng tuyển hết những thí sinh này.

Trong trường hợp không tuyển đủ chỉ tiêu đợt 1, sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển theo Phương thức 2.

**b) Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên năm học 2023-2024 của tỉnh.

- Chỉ tiêu: 30% (108 học sinh)

- Điểm xét tuyển: Là tổng điểm của 03 bài thi (đã tính hệ số) và điểm ưu tiên (nếu có).

- Điều kiện xét trúng tuyển: Chỉ xét trúng tuyển đối với thí sinh có đủ các điều kiện sau:

+ Có đủ 03 bài thi theo quy định.

+ Điểm mỗi bài thi phải lớn hơn 0,00 (quy định điểm 0 là điểm liệt).

+ Có điểm sàn xét tuyển đạt từ 15,00 điểm trở lên (có điểm bình quân các môn thi phải  $\geq 3$ )

- Nguyên tắc xét trúng tuyển: Những học sinh chưa trúng tuyển đợt 1 vào các trường THPT công lập và những thí sinh chưa trúng tuyển đợt 1 của trường THPT Thiên Trường được đăng ký nguyện vọng xét tuyển đợt 2 của trường THPT Thiên Trường. Nhà trường căn cứ danh sách thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển tổ chức xét trúng tuyển lấy theo độ dốc cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao hoặc hết nguồn.

Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét trúng tuyển như sau:

+ Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà không vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì đề nghị với Sở GDĐT được lấy trúng tuyển hết số thí sinh này;

+ Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà vượt quá 2,0% chỉ tiêu được giao thì xét những thí sinh này theo thứ tự ưu tiên đảm bảo đúng chỉ tiêu được giao: Đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa lớp 9 THCS cấp tỉnh (theo thứ tự ưu tiên Giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích); có điểm trung bình các môn cả năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình cả năm môn Toán và Ngữ văn ở lớp 9 cao hơn. Sau khi xét hết các tiêu chí mà vẫn còn các thí sinh có tiêu chí cuối bằng nhau thì đề nghị với Sở GDĐT lấy trúng tuyển hết những thí sinh này.

Nếu tuyển theo cả 02 phương thức trên mà chưa đủ chỉ tiêu, trường sẽ hạ điểm sàn xuống 10 điểm và xét theo độ dốc, đảm bảo nguyên tắc xét trúng tuyển như trên.

**4. Tuyển thẳng và chế độ ưu tiên:** Theo Kế hoạch Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 được Ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Nam Định.

#### **5. Hồ sơ tuyển sinh:**

a) Phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT) vào lớp 10 theo mẫu thống nhất do Sở GDĐT quy định.

b) 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm (kiểu ảnh chứng minh nhân dân chụp trước ngày thi không quá 3 tháng), phía sau ảnh phải ghi rõ: họ tên, ngày tháng năm sinh, trường THCS nơi thí sinh tốt nghiệp.

c) Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trong năm dự tuyển do cơ sở giáo dục cấp.

d) Học bạ THCS bản chính.

e) Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (Bản sao có chứng thực).

f) Giấy chứng nhận công điểm ưu tiên: Nộp bản sao giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền quản lý từ cấp huyện trở lên cấp (theo các quy định chế độ ưu tiên tại Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND Tỉnh Nam Định). Yêu cầu xuất trình bản gốc của các giấy tờ trên để kiểm tra.

g) Bản sao căn cước công dân đối với các thí sinh tốt nghiệp THCS ở tỉnh ngoài.

**6. Thời gian hoàn thành công tác tuyển sinh:** trước ngày 31/8/2023

**7. Tổ chức tuyển sinh:** Theo Kế hoạch Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 được Ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Nam Định và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT Nam Định.

### **PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC TỪ NGƯỜI HỌC**

#### **1. Thông tin về mức thu học phí và các khoản thu**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Học phí</b>		
1	Lớp 10 năm học 2023-2024	780.000 đồng/tháng/HS	Thu 09 tháng/năm
2	Lớp 11 năm học 2024-2025	830.000 đồng/tháng/HS	
3	Lớp 12 năm học 2025-2026	880.000 đồng/tháng/HS	
<b>II</b>	<b>Dịch vụ</b>		
1	Học thêm	5.000 đồng/học sinh/tiết	

**2. Chế độ khuyến khích:** Đối với thí sinh đăng ký dự thi trực tiếp vào trường (không áp dụng với học sinh xét tuyển).

a) Trao giải thưởng: Đối với 05 học sinh dự thi tại Hội đồng thi nhà trường có tổng điểm thi cao nhất.

- Xếp thứ 1, 2: Thưởng 1.000.000 đồng.

- Xếp thứ 3, 4: Thưởng 700.000 đồng.

- Xếp thứ 5: Thưởng 500.000 đồng.

b) Trao học bổng học kỳ I và cuối năm.

Trong một học kỳ những học sinh đạt điểm các kỳ thi Khá (Tất cả các môn thi đều đạt điểm 7 trở lên): Nhận học bổng trị giá 200.000 đồng/tháng./.

**PHỤ LỤC 1**  
**Thông báo cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Thiên Trường,**  
**Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Trúng thi tuyển và xét tuyển kỳ thi TS lớp 10 THPT do Sở GD&ĐT tổ chức.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh (Chương trình Giáo dục nhà trường) theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Nam Định		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Phối hợp Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh, thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định.</p> <p>- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.</p> <p>Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao</p>		
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	<p>- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế thiết bị dạy học 2 ca/ ngày.</p> <p>- Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng từ, ánh sáng, quạt, âm về mùa đông và thoáng mát về mùa hè.</p> <p>- Được trang bị cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>		

V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo hỗ trợ các hoạt động học tập, giáo dục giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho học sinh		
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số CB-GV-NV : 41 người trong đó : BGH : 03, GV: 34, NV: 04.</li> <li>- Thạc sĩ: 7; ĐH: 31, CĐ: 1, TC: 0, dưới TC: 2.</li> <li>- Tỷ lệ GV : đủ GV/lớp, đủ dạy tất cả các môn học.</li> <li>- Thực hiện công tác quản lý theo quy định của điều lệ trường học phù hợp với xu hướng tiên tiến hiện đại.</li> <li>- Phương pháp giảng dạy tiên tiến, phù hợp đối tượng học sinh.</li> </ul>		
VII	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh.</li> <li>- Học tập : Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Duy trì 98 % lên lớp thẳng; Riêng khối lớp 12: 100% công nhận tốt nghiệp THPT, 70% đến 85% đỗ vào các trường Đại học.</li> <li>Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.</li> </ul>		
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tỷ lệ lên lớp thẳng 98.0%	- Tỷ lệ lên lớp thẳng 99.0%	- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT là 100%
		- Duy trì sĩ số ổn định	- Duy trì sĩ số ổn định	- Tỷ lệ đỗ vào các trường ĐH từ 70.0% đến 85.0%

***Cam kết của nhà trường:*** Nhà trường tiếp tục duy trì củng cố và nâng cao chất lượng Dạy và học đáp ứng chương trình GDPT 2018; giữ vững kỷ cương nề nếp; chất lượng tốt nghiệp 100%; nâng cao chất lượng đại trà, quan tâm đến hỗ trợ đầu yếu; HSG các đội tuyển tham gia có giải cá nhân; các Hội thi tham gia theo thực tế của nhà trường.

**PHỤ LỤC 2**  
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế**  
**của trường THPT Thiên Trường**  
**Năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm (HKI năm học 2022-2023)</b>	910	319	296	295
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	632 (69,45%)	199 (62,40%)	196 (66,22%)	237 (80,34%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	217 (23,85%)	91 (28,50%)	77 (26,01%)	49 (16,61%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	50 (5,49%)	22 (6,90%)	21 (7,09%)	7 (2,37%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	11 (1,21%)	7 (2,2%)	2 (0,68%)	2 (0,68%)
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực (HKI năm học 2022-2023)</b>	910	319	296	295
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	177 (19,45)	12 (3,8%)	12 (4,05%)	153 (51,86)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	508 (55,82%)	196 (61,4%)	188 (63,51%)	124 (42,03%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	207 (22,75%)	99 (31,0%)	90 (30,41%)	18 (6,1%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	18 1,98%	12 (3,8%)	6 (2,03%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,0%)	0 (0,00%)	0,00 (0,00%)	0 (0,00%)
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm ( Năm học 2021 – 2022)</b>	860	309	299	252
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	854 (99,30%)	307 (99,35%)	295 (98,66%)	252 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	125 (14,53)	16 (5,18%)	28 (9,36)	81 (32,14%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	552 (64,19%)	225 (72,82%)	179 (59,87%)	148 (58,73%)

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	14 (1.63%)	6 (1.94%)	8 (2.68%)	0 (0.00%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.69%)	2 (0.65%)	4 (0.99%)	0 (0.00%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	03	0	2	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0.00%)	0 (0.00%)	0 (0.00%)	0 (0.00%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	13 (1,51%)	11 (3,55%)	1 (0,33)	1 (0,39%)
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi ( Năm học 2021 – 2022)</b>			0	01
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố			0	01
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp năm 2022</b>	252/252			252 (100%)
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp ( Năm học 2021 – 2022)</b>	252/252			252 (100%)
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng năm 2022 (tỷ lệ so với tổng số)</b>				218 (86,5%)
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ ( Năm học 2021 – 2022)</b>	449/411	163/146	152/147	134/118
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số (Năm học 2021 – 2022)</b>	1	0	1	0

**Cam kết của nhà trường:** Các thông tin về chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường trong năm học 2021-2022 và Học kỳ I năm 2023 là hoàn toàn chính xác.

**PHỤ LỤC 3**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THPT Thiên Trường**  
**Năm học 2022-2023**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	19 (đang xây dựng thêm 4 phòng học hoàn thành tháng 5/2023)	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	19	0,9
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	0	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	0,9
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	48	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	01	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	2	9033,6m <sup>2</sup>
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	1	6134,6m <sup>2</sup>
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	19	760m <sup>2</sup>
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	0	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	1	18m <sup>2</sup>
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m<sup>2</sup>)</i>	1	18m <sup>2</sup>

<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)	30	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	30	
1.1	Khối lớp 10	10	
1.2	Khối lớp 11	10	
1.3	Khối lớp 12	10	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 10	0	0
2.2	Khối lớp 11	0	0
2.3	Khối lớp 12	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
<b>1</b>	<b>Ti vi</b>	11	
<b>2</b>	<b>Cát xét</b>	03	
<b>3</b>	<b>Đầu Video/đầu đĩa</b>	03	
<b>4</b>	<b>Máy chiếu OverHead/projector/vật thể</b>	02	1/1
<b>5</b>	<b>Thiết bị khác...</b>	1	Máy chiếu hắt
<b>6</b>	<b>.....</b>		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	Nhà bếp	10
<b>XI</b>	Nhà ăn	25

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
<b>XIII</b>	Khu nội trú	0	0	

<b>XIV</b>	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	02	01/ 01	80	40/40
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
<b>XVI</b>	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
<b>XVII</b>	Kết nối internet	x	
<b>XVIII</b>	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
<b>XIX</b>	Tường rào xây	x	

***Cam kết của nhà trường:*** Trong năm học 2023-2024 tiếp tục mua sắm, bổ sung các thiết bị phục vụ cho việc dạy và học đảm bảo tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018; Hoàn thành xây dựng thêm 04 phòng học vào trước ngày 10/6/2023 và công trình nhà vệ sinh 3 tầng vào trước ngày 31/8/2023 và có phòng học bộ môn.

**PHỤ LỤC 4**  
**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THPT Thiên Trường**  
**Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	41	0	07	31	1	0	02	0	0	0	31	8	2	0
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b> Trong đó số giáo viên dạy môn:	34		06	28	0	0	0	0	0	0	28	6	0	0
1	Toán	05	0	02	03	0	0	0	0	0	0	05	0	0	0
2	Lý	03	0	02	01	0	0	0	0	0	0	02	01	0	0
3	Hóa	03	0	2	01	0	0	0	0	0	0	03	0	0	0
4	Ngữ văn	05	0	0	05	0	0	0	0	0	0	05	0	0	0
5	Tiếng anh	05	0	0	05	0	0	0	0	0	0	03	02	0	0
6	Sinh	02	0	0	02	0	0	0	0	0	0	02	0	0	0
7	Lịch sử	02	0	0	02	0	0	0	0	0	0	02	01	0	0
8	Địa lí	02	0	0	02	0	0	0	0	0	0	02	0	0	0
9	GDCD	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	01	0	0	0
10	TD - QPAN	03	0	0	03	0	0	0	0	0	0	02	01	0	0
11	Tin học	02	0	0	02	0	0	0	0	0	0	01	01	0	0
12	KTCN	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	01	0	0	0
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	03	0	01	02	0	0	0	0	0	0	03	0	0	0
1	Hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	01	0	0	0

2	Phó hiệu trưởng	02	0	01	01	0	0	0	0	0	0	02	0	0	0
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	04	0	0	01	01	0	02	0	0	0	02	0	02	0
1	Nhân viên văn thư	01	0	0	0	01	0	0	0	0	0	0	01	0	0
2	Nhân viên kế toán	01	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0	01	0	0
3	Thủ quỹ	GV kiêm nghịem	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	VT kiêm nghịem	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	VT kiêm nghịem	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	GV kiêm nghịem	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên công nghệ thông tin	GV kiêm nghịem	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Nhân viên bảo vệ	02	0	0	0	01	0	02	0	0	0	0	0	02	0

***Cam kết của nhà trường:*** Số giáo viên cơ hữu của nhà trường hiện tại đạt tỉ lệ 87,17% .Trong năm học 2023-2024 nhà trường có Kế hoạch Tuyển bổ sung thêm giáo viên hoàn thành vào trước tháng 7/2023 và hợp đồng thỉnh giảng thêm giáo viên trường công để đảm bảo theo Đề án tuyển sinh của nhà trường./.